

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2025.
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quốc Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ.

Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:

Ông Trần Huỳnh Đức Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 353/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Quốc N, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ A, ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Số C, tổ A, khu phố F, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N và ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quốc N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan

điểm sống, ông T thường xuyên nhậu nhẹt, dùng nhiều từ ngữ xúc phạm bà, ông T còn nhiều lần đánh đập bà khiến cho mối quan hệ vợ chồng ngày càng rạn nứt và không thể hàn gắn được. Hiện vợ chồng đã sống ly thân nhau hơn 07 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn xin ly hôn ông T.

Về con chung: Bà và ông T có một con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 06/10/2011, bà N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N khai không có;

Về nợ chung: Bà N khai không có;

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không hợp tác nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quốc N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về sự có mặt và vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn T cư trú tại ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Bà N có đơn khởi kiện ly hôn với ông T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai

và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 62 ngày 22 tháng 4 năm 2011 nên là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại **Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000**.

Quá trình chung sống, bà N và ông T có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà N yêu cầu ly hôn ông T, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà N và ông T có tồn tại mâu thuẫn, cả hai đã sống ly thân nhau nhiều năm. Tòa án nhiều lần triệu tập bà N và ông T để hòa giải, nhưng ông T không hợp tác thể hiện thiện chí không muốn đoàn tụ. Xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

Về con chung: Bà N và ông T có một con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 06/10/2011. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét, yêu cầu nuôi con của nguyên đơn nhận thấy: Hiện cháu T1 đang sống cùng với bà N, được bà nuôi dạy tốt. Mặt khác cháu Nguyễn Đức T1 có nguyện vọng được ở với bà N. Do đó chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 06/10/2011 cho bà Nguyễn Thị Quốc N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Bà N nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[3] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát huyện N phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bà Nguyễn Thị Quốc N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quốc N đối với ông Nguyễn Văn T về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Cho bà Nguyễn Thị Quốc N được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 06/10/2010 cho bà Nguyễn Thị Quốc N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà N và ông T vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Ông T có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Quốc N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0018392 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Bà Nguyễn Thị Quốc N đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện Nhơn Trạch;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS huyện Nhơn Trạch;
- UBND xã (phường) nơi ĐK kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Quốc Hoàn